

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Quyên.

2. Ông Trần Đức Nam.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Q xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Trương Quang T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà vắng mặt chị M, anh T (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Quang T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 25/11/2020, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, chị M và anh T về chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ chị M ở thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 6/2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Chị M xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T lười lao động, không chịu làm, không hỗ trợ chị M trong việc kinh doanh tại xưởng may của chị M mà bỏ việc đi chơi, uống rượu bia với bạn. Chị M góp ý nhưng anh T

không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Nhiều lần chị M nhờ gia đình bố mẹ hai bên hòa giải nhưng anh T không thay đổi nên cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, anh T đã tự bỏ về nhà bố mẹ để ở tỉnh Hà Nam sinh sống.

Anh T xác định vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa trong cuộc sống. Mặc dù đã được gia đình bố mẹ hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn và không thể tiếp tục đoàn tụ.

Nay chị M và anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị M xin ly hôn, anh T đồng ý.

- Về con chung: Chị M và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Quang T là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T và chị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Quang T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Từ tháng 6 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị M. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai chị M kiên quyết xin ly hôn với anh T, anh T cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với chị M, hai bên đương sự thoả thuận tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Quang T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Quang T mỗi người phải nộp 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000883 ngày 12 tháng 12 năm 2023 được đối trừ khi thi hành án, chị M được hoàn lại số tiền 225.000 (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Trần Hưng Đạo;
- Đương sự;
- Công TTĐT Toà án;
- Lưu: hồ sơ + *văn phòng*.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hân**